

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND xã Đặng Thùy Trâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	DỰ ÁN	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm 2025			Trong đó:									Ghi chú
		Tổng vốn	NSTW	NST	Kinh phí phân bổ năm 2025			Số vốn được phép dài			UBND cấp huyện chuyển giao			
					Tổng vốn	NSTW	NST	Tổng vốn	NSTW	NST	Tổng vốn	NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	31.416,47	27.927,09	3.489,38	8.529,81	7.416,00	1.113,81	22.886,66	20.511,09	2.375,57	-	-	-	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.540,52	3.127,00	413,52	561,52	487,00	74,52	2.979,00	2.640,00	339,00				
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	121,00	105,00	16,00	121,00	105,00	16,00	-	-	-				
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	23.572,48	21.035,80	2.536,68	5.769,00	5.016,00	753,00	17.803,48	16.019,80	1.783,68	-	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	14.451,35	12.866,97	1.584,39	3.749,00	3.260,00	489,00	10.702,35	9.606,97	1.095,39				
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.121,13	8.168,83	952,30	2.020,00	1.756,00	264,00	7.101,13	6.412,83	688,30	-	-	-	
a	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.121,13	8.168,83	952,30	2.020,00	1.756,00	264,00	7.101,13	6.412,83	688,30				
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	1.378,91	1.158,26	220,65	1.033,04	898,00	135,04	345,87	260,26	85,61	-	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.378,91	1.158,26	220,65	1.033,04	898,00	135,04	345,87	260,26	85,61				
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	252,25	219,00	33,25	252,25	219,00	33,25	-	-	-	-	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	187,25	163,00	24,25	187,25	163,00	24,25	-	-	-				
2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	65,00	56,00	9,00	65,00	56,00	9,00	-	-	-				
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	83,00	73,00	10,00	83,00	73,00	10,00	-	-	-				

VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	220,80	192,00	28,80	220,80	192,00	28,80	-	-	-				
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.081,31	966,03	115,28	230,00	200,00	30,00	851,31	766,03	85,28				
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	959,00	871,00	88,00	52,00	46,00	6,00	907,00	825,00	82,00	-	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	507,00	461,00	46,00	-	-	-	507,00	461,00	46,00				
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	452,00	410,00	42,00	52,00	46,00	6,00	400,00	364,00	36,00				
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	207,20	180,00	27,20	207,20	180,00	27,20	-	-	-	-	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	138,00	120,00	18,00	138,00	120,00	18,00	-	-	-				
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	34,60	30,00	4,60	34,60	30,00	4,60	-	-	-				
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	34,60	30,00	4,60	34,60	30,00	4,60	-	-	-				

PHỤ LỤC 2
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND xã Đảng Thới Trám)

TT		DỰ ÁN	Dự toán giao															Thực hiện giải ngân															Đơn vị tính: Triệu đồng				Ghi chú							
			Tổng cộng giải đoạn 2021-2025			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng cộng giải đoạn 2021-2025			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025						Tổng cộng		NSTW	NST	Trong đó: Kinh phí đã nộp trả về NS cấp trên				
																														Giao đầu năm			Cấp huyện chuyển giao								Giao đầu năm			Cấp huyện chuyển giao
															Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST						Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng
					TỔNG CỘNG	34.213.370	30.286,000	3.927,370	922,000	836,000	86,000	11.061,000	9.632,000	1.429,000	13.700,560	12.402,000	1.298,560	8.529,810	7.416,000	1.113,810	-	-	-	4.228,539	3.808,316	420,224	305,136	272,580	32,550	1.575,013	1.408,010	167,004	1.381,663	1.188,993	192,670						966,733	938,733	28,000	-
I		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.571,040	3.182,000	389,040	17,000	15,000	2,000	1.429,000	1.284,000	145,000	1.563,520	1.396,000	167,520	561,520	487,000	74,520				475,850	388,850	87,000	15,000	15,000		117,000	117,000		87,000	-	87,000	256,850	256,850	-	-	-	3.094,670	2.793,150	301,520	0,520			
II		Dự án 2: Quy hoạch, cấp tiếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	121,000	105,000	16,000	-			-			-			121,000	105,000	16,000				-	-	-	-			-	-	-				-	-	-				121,000	105,000	16,000			
III		Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	25.309,000	22.585,000	2.724,000	619,000	563,000	56,000	8.461,000	7.497,000	964,000	10.460,000	9.509,000	951,000	5.769,000	5.016,000	753,000	-	-	-	2.464,189	2.228,918	235,272	174,236	151,580	22,650	932,601	830,610	102,082	662,600	580,060	82,540	694,668	666,668	28,000	-	-	-	22.844,811	20.356,082	2.488,728	-		
1		Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	15.988,000	14.267,000	1.721,000	312,000	284,000	28,000	4.841,000	4.281,000	560,000	7.086,000	6.442,000	644,000	3.749,000	3.260,000	489,000				1.301,516	1.155,071	146,445	-			639,048	575,143	63,905	634,900	552,360	82,540	27,568	27,568	-				14.686,484	13.111,929	1.574,555			
2		Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được tiêu thụ, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.321,000	8.318,000	1.003,000	307,000	279,000	28,000	3.620,000	3.216,000	404,000	3.374,000	3.067,000	307,000	2.020,000	1.756,000	264,000	-	-	-	1.162,673	1.073,847	88,827	174,236	151,580	22,650	293,643	255,467	38,177	27,700	27,700	-	667,100	639,100	28,000	-	-	-	8.158,327	7.244,153	914,173	-		
a		Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.321,000	8.318,000	1.003,000	307,000	279,000	28,000	3.620,000	3.216,000	404,000	3.374,000	3.067,000	307,000	2.020,000	1.756,000	264,000				1.162,673	1.073,847	88,827	174,236	151,580	22,650	293,643	255,467	38,177	27,700	27,700	-	667,100	639,100	28,000				8.158,327	7.244,153	914,173			
IV		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh thực hiện dự án	2.574,080	2.056,000	518,080	119,000	106,000	13,000	713,000	435,000	278,000	709,040	617,000	92,040	1.033,040	898,000	135,040	-	-	-	1.113,780	1.024,558	89,222	115,900	106,000	9,900	496,122	435,000	61,122	486,543	468,343	18,200	15,215	15,215	-	-	-	-	1.460,260	1.031,442	428,818	0,040		
1		Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.574,080	2.056,000	518,080	119,000	106,000	13,000	713,000	435,000	278,000	709,040	617,000	92,040	1.033,040	898,000	135,040				1.113,780	1.024,558	89,222	115,900	106,000	9,900	496,122	435,000	61,122	486,543	468,343	18,200	15,215	15,215	-	-	-	-	1.460,260	1.031,442	428,818	0,040		
V		Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	252,250	219,000	33,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	252,250	219,000	33,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	252,250	219,000	33,250	-
1		Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông cơ học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	187,250	163,000	24,250	-			-			-			187,250	163,000	24,250				-	-	-	-			-		-	-				-	-	-				187,250	163,000	24,250		
2		Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	65,000	56,000	9,000	-			-			-			65,000	56,000	9,000				-	-	-	-			-		-	-				-	-	-				65,000	56,000	9,000		
VI		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	83,000	73,000	10,000	-			-			-			83,000	73,000	10,000				-	-	-	-			-		-	-				-	-	-				83,000	73,000	10,000		
VII		Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, làm việc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	220,800	192,000	28,800	-			-			-			220,800	192,000	28,800				-	-	-	-			-		-	-				-	-	-				220,800	192,000	28,800		
VIII		Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.256,000	1.132,000	124,000	-			458,000	416,000	42,000	568,000	516,000	52,000	230,000	200,000	30,000				174,720	165,990	8,730	-			29,200	25,400	3,800	145,520	140,590	4,930	-	-	-	-	-	-	1.081,280	966,010	115,270			
IX		Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rớt trệ và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	619,000	562,000	57,000	167,000	152,000	15,000	-	-	-	400,000	364,000	36,000	52,000	46,000	6,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	619,000	562,000	57,000	-		
1		Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-	-			-			-	-	-				-	-	-	-	-	-				-		-	-				-	-	-				-	-	-		
2		Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	619,000	562,000	57,000	167,000	152,000	15,000	-			400,000	364,000	36,000	52,000	46,000	6,000				-	-	-	-			-		-	-				-	-	-				619,000	562,000	57,000		
X		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	207,200	180,000	27,200	-	-	-	-			-	-	-	207,200	180,000	27,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	207,200	180,000	27,200	-		
1		Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	138,000	120,000	18,000	-			-						138,000	120,000	18,000				-	-	-				-		-	-				-	-	-				138,000	120,000	18,000		
2		Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	34,600	30,000	4,600	-			-			-			34,600	30,000	4,600				-	-	-				-		-	-				-	-	-				34,600	30,000	4,600		
3		Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	34,600	30,000	4,600	-			-			-			34,600	30,000	4,600				-	-	-				-		-	-				-	-	-				34,600	30,000	4,600		